

ĐẠI HỌC HUẾ
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TỪ XA

TS. BÙI THANH TRUYỀN (Chủ biên)
ThS. TRẦN THỊ QUỲNH NGA – TS. NGUYỄN THANH TÂM

GIÁO TRÌNH
VĂN HỌC 2

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ
Huế, 2012

LỜI NÓI ĐẦU

Trong nghiên cứu văn học thiếu nhi hiện nay, đã có nhiều công trình văn học sử, cũng đã có một số công trình đi sâu vào một số thể loại, tác giả. Tuy nhiên một công trình mang cái nhìn tổng thể đối với thi pháp văn học thiếu nhi Việt Nam vẫn đang còn là vấn đề bỏ ngõ, mời gọi sự khám phá lâu dài của nhiều nhà nghiên cứu. Giáo trình Văn học 2 do các tác giả ở trường Đại học Sư phạm Huế biên soạn với mục đích trang bị cho sinh viên những hiểu biết nhất định về thi pháp học nói chung, thi pháp văn học thiếu nhi nói riêng nhằm dạy tốt môn Tiếng Việt ở trường tiểu học trên tinh thần "dạy văn qua môn Tiếng Việt", đồng thời có thể vận dụng vào nghiên cứu những tác phẩm văn học dành cho trẻ em trong và ngoài nhà trường.

Công trình là sự kế thừa những kiến thức lí luận về thi pháp, thi pháp học của các chuyên gia nghiên cứu đi trước. Tuy nhiên khi vận dụng vào tìm hiểu văn học thiếu nhi, chúng tôi đã có những điều chỉnh cho phù hợp với đặc trưng của đối tượng nghiên cứu, khảo sát và đối tượng tiếp nhận giáo trình này.

Tổng số thời gian của chuyên đề là 30 tiết với 7 chủ đề chính: Mở đầu (04 tiết); Quan niệm nghệ thuật về con người trong văn học thiếu nhi (05 tiết); Thời gian nghệ thuật trong văn học thiếu nhi (04 tiết); Không gian nghệ thuật trong văn học thiếu nhi (04 tiết); Cốt truyện trong văn học thiếu nhi (04 tiết); Kết cấu trong văn học thiếu nhi (05 tiết) và Ngôn từ nghệ thuật trong văn học thiếu nhi (04 tiết).

Lần đầu tiên, tài liệu được biên soạn theo chương trình và phương pháp mới, chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Chúng tôi mong nhận được nhiều ý kiến chỉ giáo, góp ý để có thể hoàn thiện thêm nhằm cung cấp tài liệu tham khảo cho sinh viên, học viên cao học và những ai quan tâm đến vấn đề còn rất mới mẻ này.

Chúng tôi trân trọng cảm ơn GS.TS.Trần Đình Sử, PGS.TS.Vân Thanh đã cung cấp tư liệu và cho những nhận xét quý báu để chúng tôi hoàn thiện bản thảo.

Huế, năm Nhâm Thìn, 2012

Nhóm tác giả

QUY ƯỚC VỀ VIẾT TẮT

- VHTN: Văn học thiếu nhi
- Nxb: Nhà xuất bản

TaiLieu.vn

Chương 1: DẪN NHẬP

1.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ VĂN HỌC THIẾU NHI

1.1.1. Khái niệm "Văn học thiếu nhi"

Theo "*Bách khoa thư văn học thiếu nhi Việt Nam*", *văn học thiếu nhi* là:

"Những tác phẩm văn học được mọi nhà văn sáng tạo ra với mục đích giáo dục, bồi dưỡng tâm hồn, tính cách cho thiếu nhi. Nhân vật trung tâm của nó là thiếu nhi và nhiều khi, cũng là người lớn, hoặc là một cơn gió, một loài vật, hay một đồ vật, một cái cây... Tác giả của văn học thiếu nhi không chỉ là chính các em, mà cũng là các nhà văn thuộc mọi lứa tuổi".

"Những tác phẩm được thiếu nhi thích thú tìm đọc. Bởi vì các em đã tìm thấy ở trong đó cách nghĩ, cách cảm cùng những hành động gần gũi với cách nghĩ, cách cảm và cách hành động của chính các em, hơn thế, các em còn tìm được ở trong đó một lời nhắc nhở, một sự răn dạy, với những nguồn động viên, khích lệ, những sự dẫn dắt ý nhị, bổ ích... trong quá trình hoàn thiện tính cách của mình" (Tài liệu 1, trang 6).

Tóm lại, văn học thiếu nhi là những tác phẩm văn học mà nhân vật trung tâm là thiếu nhi hoặc được nhìn bằng "đôi mắt trẻ thơ", với tất cả những xúc cảm, tình cảm mãnh liệt, tinh tế, ngây thơ, hồn nhiên, được các em thích thú, say mê và có nội dung hướng đến việc giáo dục, bồi dưỡng tâm hồn, đặt nền móng cho sự hoàn thiện nhân cách của các em thuộc những lứa tuổi khác nhau từ thuở ấu thơ đến suốt cuộc đời.

1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của văn học thiếu nhi Việt Nam

Văn học thiếu nhi là một bộ phận không thể tách rời của văn học dân tộc. Bất kì nền văn học nào cũng chứa đựng trong nó một bộ phận không thể thiếu là "văn học thiếu nhi". Cùng với thời gian, mảng văn học này dần hoàn thiện cả về nội dung lẫn hình thức và góp phần vào sự trưởng thành của văn học nước nhà.

Văn học thiếu nhi của hầu hết các quốc gia trên thế giới đều có một bộ phận đáng kể là văn học dân gian. Những sáng tác truyền miệng này không phải chủ yếu dành cho trẻ em nhưng vẫn được người đọc nhỏ tuổi mọi thời đại yêu thích và có ảnh hưởng lớn đến việc hình thành nhân cách của trẻ, đặc biệt là các thể loại truyện thần thoại, cổ tích, ngụ ngôn,...

Văn học hiện đại viết cho thiếu nhi Việt Nam bắt đầu được manh nha từ những năm 20 của thế kỉ XX nhưng thực sự phát triển và trở thành một bộ phận của văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. Tiến trình văn học thiếu nhi Việt Nam hiện đại có thể phân chia thành các giai đoạn chính sau đây:

Trong những ngày đầu Cách mạng tháng Tám và trong kháng chiến chống Pháp, lực lượng viết cho các em mới chỉ có một số nhà văn chuyên nghiệp thỉnh thoảng có sách cho thiếu nhi như nhà văn Nguyễn Huy Tưởng, Tô Hoài, Nguyễn Tuân, Nguyễn Hồng, Nguyễn Xuân Sanh, Huyền Kiêu,...

Nhìn chung, giai đoạn này mới chỉ xuất hiện những tác phẩm viết cho thiếu nhi một cách lẻ tẻ chứ chưa thực sự có phong trào sáng tác cho các em, nhưng dù sao đó cũng chính là những viên gạch đầu tiên đặt nền móng để xây dựng nên nền văn học thiếu nhi Việt Nam.

Từ sau năm 1954, trên miền Bắc, đội ngũ viết cho thiếu nhi ngày càng phát triển nhanh. Bên cạnh lớp các nhà văn trên, đã có thêm Võ Quảng, Phạm Hồ, Đoàn Giỏi, Thy Ngọc, Trần Thanh Địch, Văn Trọng, Nguyễn Kiên, Hoàng Anh Đường, Vũ Ngọc Bình, Vũ Tú Nam, Đào Vũ, Lê Minh, Văn Linh, Việt Linh, Bắc Thôn, Hà Ân, Hải Hồ, Xuân Sách,...

Đây là chặng đường mở đầu cho nền văn học thiếu nhi Việt Nam. Mặc dù trong hoàn cảnh khó khăn, nhưng tất cả những thành tựu mà giai đoạn này mang lại đã ghi nhận cố gắng của chúng ta trong việc tạo dựng một nền văn học viết cho trẻ em và thực sự vì trẻ em.

Trong những năm kháng chiến chống Mỹ ác liệt, đội ngũ viết cho thiếu nhi càng phát triển nhanh với những cây bút mới: Xuân Quỳnh, Phan Thị Thanh Nhàn, Trần Hoài Dương, Văn Hồng, Nguyễn Thắng Vu, Quang Huy, Định Hải, Phong Thu, Hoàng Bình Trọng, Nguyễn Thị Vân Anh, Lê Phương Liên, Lê Vân, Văn Biển... và cây bút thiếu nhi xuất sắc Trần Đăng Khoa.

Cuối những năm 80, đội ngũ viết cho các em dần dần khởi sắc với sự xuất hiện những cây bút mới và trẻ đã trưởng thành qua những Trại sáng tác cho thiếu nhi hoặc qua những cuộc thi viết cho các em như Nguyễn Hoàng Sơn, Dương Thuấn, Mai Văn Hai, Phùng Ngọc Hùng, Nguyễn Nhật Ánh, Trần Thiên Hương, Hoàng Tá, Nguyễn Trí Công, Lê Cảnh Nhạc, Nguyễn Ngọc Ký, Lê Hồng Thiện, Quách Liêu, Hà Lâm Kỳ, Đặng Hân, Lý Lan,...

Một số nhà văn có tên tuổi và giàu kinh nghiệm như Vũ Ngọc Bình, Hoàng Anh Đường, Văn Hồng cũng rất tích cực đóng góp về mặt phê bình và dịch thuật sách thiếu nhi. Tiếp sau các nhà văn này, dần dần đã xuất hiện một số cây bút trẻ tuổi bước đầu đi vào con đường nghiên cứu phê bình văn học cho thiếu nhi.

1.1.3. Một số tác phẩm văn học thiếu nhi hiện đại tiêu biểu

- Truyện:

- + *Đế Mèn phiêu lưu kí, Vừ A Dính, Đảo hoang, Chuyện nỏ thần, Nhà Chử* (Tô Hoài).
- + *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* (Nguyễn Huy Tưởng).
- + *Cái tết của Mèo con* (Nguyễn Đình Thi).
- + *Trái tim bằng ngọc, Nàng tiên nhỏ thành Ốc, Chuyện hoa chuyện quả* (Phạm Hồ).
- + *Đất rừng phương Nam* (Đoàn Giỏi).
- + *Trăng nước Chương Dương* (Hà Ân).
- + *Hai làng Tà Pình và Động Hía* (Bắc Thôn).
- + *Đội thiếu niên du kích Đình Bảng* (Xuân Sách).
- + *Bí mật miếu Ba cô* (Văn Trọng).
- + *Trước mùa mưa bão* (Trần Nhuận Minh).
- + *Quê nội, Tảng sáng* (Võ Quảng).
- + *Mái trường xưa* (Việt Linh).
- + *Chú bé sợ toán* (Hải Hồ).
- + *Chú bé có tài mở khóa* (Nguyễn Quang Thân).
- + *Những tia nắng đầu tiên* (Lê Phương Liên).
- + *Côi cút giữa cánh đồng, Chó Bi - đời lưu lạc* (Ma Văn Kháng).

- + *Hành trình ngày thơ ấu* (Dương Thu Hương).
- + *Tuổi thơ dữ dội* (Phùng Quán).
- + *Đường về với Mẹ Chử* (Vi Hồng)
- + *Kính vạn hoa, Chuyện xứ Lang Biang, Tôi là Bê Tô, Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ, Đảo mộng mơ, Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh,...* (Nguyễn Nhật Ánh).
- + *Một thiên năm mộng, Giăng giăng tơ nhện, Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (Nguyễn Ngọc Thuần).

+ v.v...

- Thơ:

- + *Chú bò tìm bạn* (Phạm Hồ).
- + *Anh Đom Đóm* (Võ Quảng).
- + *Góc sân và khoảng trời* (Trần Đăng Khoa).
- + *Bầu trời trong quả trứng* (Xuân Quỳnh).
- + *Bài ca trái đất* (Định Hải).
- + *Dắt mùa thu vào phố* (Nguyễn Hoàng Sơn).
- + *Bờ ve ran* (Mai Văn Hai).
- + *May áo cho mèo* (Phùng Ngọc Hùng).
- + *Cái sân chơi biết đi* (Hoàng Tá).
- + *101 câu đố vui* (Nguyễn Ngọc Ký).
- + *Câu chữ Y, Thơ nhớ từ thơ* (Đặng Hân).
- + *Mèo đi guốc, Chuồn chuồn cắn rốn* (Trần Mạnh Hào).
- + *Tắc kè hoa, Đất đi chơi biển* (Phạm Đình Ân).
- + *Mèo khóc chuột cười, Con chuồn chuồn đẹp nhất* (Cao Xuân Sơn).
- + v.v...

1.1.4. Một số đặc trưng cơ bản của văn học thiếu nhi Việt Nam

Từ quan niệm về văn học thiếu nhi ở trên, ta thấy:

Văn học thiếu nhi hết sức đa dạng về thể loại, phong phú về nội dung, nhiều sắc màu về hình thức, từ những bài đồng dao, những lời ru, câu chuyện ngụ ngôn... cho đến những truyện ngắn, những vở kịch hiện đại... Sự đa dạng này một phần là do sự chi phối bởi đối tượng viết cho trẻ em: Nó có thể là sáng tác của người lớn nhưng vẫn được trẻ em yêu thích, những tác phẩm của người lớn dành riêng cho trẻ em và những câu chuyện, bài thơ do chính các em viết...

Đã là văn học thiếu nhi thì từ cách cảm, cách nhìn, cách nghĩ trong tác phẩm phải "như thiếu nhi", phải phù hợp với tâm lí lứa tuổi khác nhau của các em. Cụ thể là:

- Sáng tác cho trẻ em phải được "nhìn bằng đôi mắt trẻ thơ", phải xuất phát từ cảm xúc hồn nhiên, trong trẻo, tự nhiên "như trẻ thơ" mới có thể làm cho các em yêu thích - Mỗi lần sáng tác cho các em là một lần người viết "được sống lại ... tuổi thơ của mình và hoà đồng tâm hồn với tuổi thơ hôm nay, miền xanh thắm của văn chương và cội nguồn trong trẻo của đời người" (Ma Văn Kháng, *tài liệu 1*; tr.213). Điều đó có thể được minh chứng bằng nhận xét của Quang Huy - một trong

những nhà văn thân quý của trẻ thơ - về những độc đáo không thể lẫn của thế giới văn học dành cho lứa tuổi này:

"Chiếc bàn ư? Nó vốn được xẻ ra từ một cây gỗ. Vậy cứ tưới nước vào bốn chân là nó sẽ đâm cành mọc lá ra được. Cửa sổ ư? Đó là nơi bốn mùa thay nhau đến treo các bức phong cảnh. Tiếng gà gáy khoẻ lắm, có thể khiêng mặt trời lên được. Ngọn gió sinh ra từ tay quạt của mẹ và quê hương của nó là một chiếc võ ốc ngoài đảo xa. Mặt trăng là con của mặt trời. Và mỗi khi nhìn lên trời phải nheo mắt lại, như thế là ông mặt trời cũng đang nheo mắt nhăn nhó cười nhìn xuống các em. Con đé kêu suốt đêm là nó đang luyện giọng chuẩn bị cho cuộc thi ca hát, khi nó bất ngờ kêu lên the thé thì quả bưởi cũng giật mình rơi bịch xuống sân. Và một chiếc lông chim nhặt được trong vườn đã sống dậy thành một truyện cổ tích.

Sức tưởng tượng của các em rất mãnh liệt, nhiều khi ta không lường hết được...

... Thế giới xung quanh các em là một thế giới rất vui tươi. Một phần, chính vì các em gửi niềm vui từ tâm hồn mình vào trong thế giới ấy. Niềm vui, như là một lễ để sống của các em. Không có nó không được. Cách nhìn, cách nghe, cách cảm nghĩ cũng như cách tưởng tượng của các em đều lấp lánh niềm vui. Nhìn cò bay qua sông trong ráng chiều, các em bảo là nó đang "khiêng nắng qua sông". Nghe tiếng sấm rền trong cơn mưa rào, các em bảo là "sấm ghé xuống sân Khanh khách cười". Chiếc ba lô con cóc vì thương chú bộ đội đeo nặng sau lưng nên nằm im, không nhảy lung tung. Ngọn gió là cô giáo dạy cho bầu trời múa cùng mặt đất. Quả dấm ở cánh cửa chẳng dấm ai bao giờ mà lúc nào cũng sẵn sàng mời mọc em vào nhà. Rồi bao điều thú vị khác nữa, mắt cá lại mọc ở cổ chân người, lá mía thì luồn vào trong sống mũi của em, ruột gà lại nằm trong chiếc bút máy, con tép con tôm trốn vào trong múi bưởi, giọt nước chẳng có mầm lại biết ăn chân chúng mình được, quyển sách ta xem lại mọc ra cái gáy, con nhộng thì bức sột hay sao mà lúc nào cũng cõn trăn, còn cối xay lúa thì rất điệu bao giờ cũng mặc áo hảnh hoi" (*Tài liệu 6*; tr.353 - 354).

- Một tác phẩm viết về con người hay đồ vật chỉ được coi là văn học thiếu nhi khi tác giả biết "trẻ em hoá" những con vật hay đồ vật ấy. Điều đó có nghĩa là: Không phải cứ "bắt chước" trẻ con hoặc "trẻ con hoá" nội dung là có thể được xếp vào văn học thiếu nhi. Chỉ những tác phẩm mà các em "thấy" mình trong đó hoặc "nói hộ mình" mới là văn học thiếu nhi. Cách viết và cái hồn trong từng lời văn, từng câu thơ mới là nhịp cầu thực sự để các em bước vào tác phẩm, bước vào thế giới của chính mình. Phải viết ra bằng ngôn ngữ các em thì các em mới dễ hiểu, dễ thuộc và ghi nhớ lâu bền.

Tóm lại, văn học thiếu nhi là "món quà của một bạn nhỏ ngày xưa tặng các bạn bây giờ" (Xuân Quỳnh). Đây là những sáng tác mà trong đó tác giả, dù là trẻ em hay nhà văn lớn tuổi, đều phải biết "nhìn con người, nhìn cuộc đời bụi bặm của chúng ta bằng con mắt trong veo và ngơ ngác của con trẻ...", phải biết "hiển dâng trọn vẹn cái phần tinh túy nhất của đời mình, của tâm hồn mình cho trẻ" (Trần Đăng Khoa, *tài liệu 1*; tr.282).

Ngoài những đặc trưng cơ bản trên đây, trong quan niệm của nhà văn và các nhà nghiên cứu văn học, tác phẩm văn học dành cho thiếu nhi, đặc biệt là thơ, còn có thêm những đặc trưng sau (Xem *Tài liệu 6*):

- Văn học thiếu nhi mà thiếu nhi thích đọc, thì đã bao hàm hai ý bao trùm. Trước hết phải là văn học, phải chân - thiện - mỹ và sau đó phải phù hợp với thị hiếu, tâm lí các em. Đơn giản vậy mà thực hiện thật khó - khó vì khách quan, cái văn học đích thực, cái tài năng bao giờ cũng hiếm; khó cũng vì chủ quan người làm sách, bị ràng buộc nhiều bề và đôi khi lại suy bụng ra ra bụng trẻ (Giáo sư. Đặng Thai Mai; tr.334).

- Tôi quan niệm thơ viết cho thiếu nhi phải được trẻ em thích thú đã đành, còn phải được cả người lớn thích thú... (Bùi Quang Khải; tr.380).

- Khác với thơ của trẻ em tự viết cho mình, thơ của người lớn viết cho trẻ em phải tiến tới kết hợp hài hoà giữa chất thơ và chất trẻ thơ. Phải luôn luôn nghĩ rằng chất thơ mà ta cần nói ở đây chính là chất thơ cho trẻ thơ. Phải gắn hai nửa lại thành một khối thống nhất. Phải hoà hai chất lại thành một thể đúng với tên gọi của nó là "thơ thiếu nhi".

... Thơ cho trẻ em không thể quá nghiêm trang. Nó phải hồn nhiên, ngộ nghĩnh, dí dỏm. Về mặt này, chúng ta phải phân đấu nhiều...

... Viết cho các em phải sinh động, linh hoạt, phóng túng như "mầm non", "gió", "thác nước" trong thơ Võ Quảng.

... Thơ cho trẻ em cần được chăm sóc về nhạc điệu hơn nữa... (Định Hải; tr.251 - 253).

- Thơ cho thiếu nhi bao giờ cũng phải vui tươi, ngộ nghĩnh. Đằng sau những câu phải giấu những nụ cười. Các em không phải là những ông cụ non, không chấp nhận những bài thơ khô khan, nghiêm nghị quá mức. Mỗi bài thơ không thể là lời giáo huấn sống sượng và lột bỏ hết mọi say đắm, hồn nhiên dí dỏm của đời sống tuổi nhỏ (Quang Huy; tr.354-335).

v.v...

1.2. TẦM QUAN TRỌNG CỦA THI PHÁP HỌC TRONG NGHIÊN CỨU VĂN HỌC THIẾU NHI

1.2.1. Khái niệm thi pháp

Có nhiều cách hiểu về thi pháp:

Có người quan niệm thi pháp là sự tổng hợp các thành tố (hoặc các cấp độ) của hình thức nghệ thuật của tác phẩm ngôn từ: Cốt truyện, kết cấu, các hiện tượng ngôn ngữ nghệ thuật, nhịp và vần. Còn đối với người hiểu theo nghĩa rộng, thi pháp không chỉ có những thành tố kể trên mà còn bao gồm cả những vấn đề loại hình, thể tài, những nguyên tắc và phương pháp phản ánh thực tại và các phạm trù: không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật, quan niệm nghệ thuật của tác giả về thế giới và con người.

Trả lời câu hỏi "Thi pháp là gì?", nhà folklore học Xô Viết nổi tiếng, giáo sư Crapxốp (1906 - 1980) cho rằng:

"Thi pháp với tư cách là tổ hợp những đặc điểm hình thức nghệ thuật của tác phẩm ngôn từ bao gồm:

- Những đặc điểm của cấu trúc tác phẩm;

- Hệ thống những phương tiện phản ánh, nhờ những phương tiện này mà văn học viết và văn học dân gian xây dựng những bức tranh về cuộc sống, những hình tượng về con người và tái tạo những hiện tượng khác nhau của thực tại (các sự kiện lịch sử; sinh hoạt và đạo đức con người; thiên nhiên);

- Những chức năng tư tưởng - thẩm mỹ của cấu trúc tác phẩm và những chức năng tư tưởng - thẩm mỹ của các phương tiện thể hiện tác phẩm (sự thể hiện một cách xúc cảm trước hiện thực, sự đánh giá những sự kiện và hành vi của nhân vật, sự khám phá ý đồ sáng tạo cùng giá trị tư tưởng - nghệ thuật và tay nghề sáng tạo ra tác phẩm).

(N.I.Crapxốp: *Thi pháp các bài dân ca trữ tình Nga*. -M: Nxb Trường Đại học Tổng hợp Matxcova, 1974, phần I, tr.3 - 4).

Ngày nay, chúng ta hiểu thi pháp là tổ hợp những tính thẩm mỹ - nghệ thuật và phong cách của một hiện tượng văn học, là cấu trúc bên trong của nó, là hệ thống đặc trưng của các thành tố nghệ thuật và mối quan hệ giữa chúng.

Thi pháp là hệ thống nguyên tắc nghệ thuật chi phối sự tạo thành của một hệ thống nghệ thuật với các đặc sắc của nó. Thi pháp không phải là nguyên tắc có trước, nằm bên ngoài, mà là nguyên tắc bên trong, vốn có của sáng tạo nghệ thuật, hình thành cùng với nghệ thuật. Nó là mỹ học nội tại của sáng tác nghệ thuật gắn liền với sự sáng tạo và là một trình độ văn hoá nghệ thuật nhất định, mang một quan niệm nhất định đối với cuộc đời, con người và bản thân nghệ thuật. Thi pháp biểu hiện trên các cấp độ: Thể loại, ngôn ngữ, tác giả và bao trùm cả nền văn học.

1.2.2. Một số vấn đề về thi pháp học

1.2.2.1. Khái niệm thi pháp học

Cũng như khái niệm thi pháp, hiện nay, giữa các nhà nghiên cứu tồn tại khá nhiều cách hiểu về thi pháp học.

- Theo Từ điển *Bách khoa văn học giản yếu Nga*, "Thi pháp học là khoa học về cấu tạo của các tác phẩm văn học và hệ thống các phương tiện thẩm mỹ mà chúng sử dụng".

- Pôn Valêri cho rằng: "Hiểu theo nghĩa từ nguyên học, thi pháp học (poe'tique) là tên gọi chỉ tất cả những gì liên quan tới sáng tạo, tức là sự tạo thành, kết cấu tác phẩm văn học mà ngôn từ của chúng vừa là thực thể, vừa là phương tiện, chứ không phải là với ý nghĩa hẹp hơn, như là tập hợp các quy tắc mỹ học liên quan đến thi ca".

- Viện sĩ V.Vinogradop cụ thể hoá: "Thi pháp học là khoa học về các hình thức, các dạng thức, các phương tiện, phương thức tổ chức tác phẩm của sáng tác ngôn từ, các kiểu cấu trúc và các thể loại tác phẩm văn học. Nó muốn bao quát không chỉ là các hiện tượng của ngôn từ thơ, mà còn là các khía cạnh khác nhau nhất của tác phẩm văn học và sáng tác dân gian".

Gộp cả lại, có thể tán thành định nghĩa của nhà lí luận văn học Nga V.Girmunxki: "Thi pháp học là khoa học nghiên cứu thi ca (văn học) với tư cách là một nghệ thuật". (Dẫn theo tài liệu 5; tr.5 - 6).

Xem thi pháp học là khoa học nghiên cứu văn học như một nghệ thuật đã bao hàm một phạm vi rộng, từ tác phẩm cụ thể, thể loại đến các khái quát phổ quát. Điểm làm cho thi pháp học có vị trí độc lập phân biệt với các bộ môn khác trong khoa văn học là nó chỉ nghiên cứu cấu trúc và thuộc tính nghệ thuật của văn học từ góc độ nghệ thuật. Vì thế, không nên đồng nhất thi pháp học với lí luận văn học. Thi pháp học còn bao gồm sự miêu tả, khám phá hệ thống các phương tiện cấu trúc nghệ thuật cụ thể, mang sắc thái dân tộc và cá nhân.

1.2.2.2. Lịch sử phát triển của thi pháp học

Cho đến nay, lịch sử hình thành và phát triển của thi pháp học được nhiều nhà nghiên cứu văn học thống nhất phân thành hai giai đoạn chủ yếu với những đặc trưng riêng của nó:

- Thi pháp học truyền thống:

+ Người đầu tiên trình bày có hệ thống về thi pháp là nhà triết học và bác học Hi Lạp cổ đại Arixót (384 - 322 trước C.N) trong một công trình có ý nghĩa rất lớn có tên là *Thi pháp học*. Lần đầu tiên trong lịch sử mỹ học và lí luận văn học thế giới, có một cuốn sách đứng trên lập trường duy vật nghiên cứu chức năng của văn học và đề cập đến các nguyên tắc cấu trúc bên trong của các

loại hình nghệ thuật và phân loại văn học, các khái niệm "nội dung", "cốt truyện", các biện pháp tu từ...

+ Đỉnh cao của tư tưởng lí luận về văn học nghệ thuật ở Trung Hoa cổ đại là công trình *Văn tâm điều long* của Lưu Hiệp (chưa rõ năm sinh, năm mất). Cuốn sách ra đời vào cuối đời Nam Tề (khoảng giữa năm 496 - 501), đã bàn đến mục đích, chức năng của văn học, nguồn gốc của cái đẹp, đề ra những tiêu chuẩn đối với tác phẩm văn học và những yêu cầu đối với nhà văn cũng như công việc của nhà phê bình văn học. Như vậy, mục đích chủ yếu của cuốn sách là trình bày, truyền thụ "phép tắc làm văn". Lưu Hiệp đã thấy trong tác phẩm văn học, nội dung và hình thức không tách rời nhau, trong đó nội dung bao giờ cũng giữ vai trò quyết định. Chính vì coi trọng hình thức trong mối liên hệ với nội dung, Lưu Hiệp đã dành nhiều trang bàn về kĩ thuật viết văn như các vấn đề hư cấu, tưởng tượng, kết cấu và việc sử dụng ngôn ngữ.

+ Các phép tắc, lời dạy của thi pháp văn học truyền thống một mặt là rất phong phú, thâm thúy, có ý nghĩa rất lớn để lí giải văn học đương thời. Nhưng mặt khác là nó mang nặng tính kinh nghiệm, tính giáo huấn và tính quy phạm làm cho hệ thống thi pháp được nhìn nhận cô lập trong từng biểu hiện, lắm khi mâu thuẫn nhau đồng thời cũng khó tránh khỏi sự áp đặt, mâu thuẫn với sự thực tế sáng tạo sinh động của văn học và không phù hợp với quá trình phát triển lịch sử của nghệ thuật. Những đặc điểm ấy làm cho thi pháp học truyền thống, mặc dù với tất cả giá trị phong phú và uyên bác, vẫn không đáp ứng đầy đủ nhu cầu nhận thức về hệ thống văn học - nghệ thuật của con người hiện đại.

+ Nhìn chung, thi pháp học cổ đại, trung đại đều thiên về nghiên cứu thể loại, ngôn ngữ để chỉ đạo sáng tác, đề xuất các lời khuyên. Thi pháp học được xem là hiện tượng bất biến và tác phẩm văn học được xem như là tổng cộng các yếu tố riêng lẻ. Nguyên tắc thi pháp được hiểu thành quy phạm.

- Thi pháp học hiện đại:

+ Thi pháp học hiện đại được đẩy lên từ cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX. Nhà nghiên cứu văn học Nga A.N.Vêxêlốpski đề xuất hướng nghiên cứu thi pháp học lịch sử, tiếp đến là các trường phái thi pháp học hiện đại theo nhau xuất hiện: Trường phái hình thức Nga; Phê bình mới Anh, Mĩ; Trường phái hiện tượng học; Thi pháp học cấu trúc, Kí hiệu học; Thi pháp học lịch sử,... Thông qua tất cả những trường phái nghiên cứu này, thi pháp học hiện đại đã được xác lập như một hệ thống cách tiếp cận mới đối với văn học trên những phương diện:

+ Văn học được xem như một sáng tạo bằng chất liệu, có đời sống lịch sử độc lập với tác giả.

+ Văn học là một hệ thống kí hiệu, có bản chất biểu trưng, được tổ chức một cách đặc biệt để biểu hiện một nội dung nghệ thuật đặc thù.

+ Văn học với tư cách là một hiện tượng độc đáo trong lịch sử văn hoá được xác lập bởi một hệ hình tư duy, bắt đầu từ quan niệm về văn học, quan niệm về thế giới và con người, quan niệm về thể loại và ngôn ngữ.

1.2.2.3. Vấn đề nghiên cứu thi pháp học ở Việt Nam

Từ đầu những năm 80 trở lại đây, việc nghiên cứu thi pháp học ở Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể. Sơ bộ có thể kể đến một số công trình tiêu biểu như: *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong "Truyện Kiều"* (Phan Ngọc, 1985), *Thi pháp ca dao* (Nguyễn Xuân Kính, 1992), *Từ kí hiệu học đến thi pháp học* (Hoàng Trinh, 1992), *Những vấn đề thi pháp của truyện* (Nguyễn

Thái Hoà, 2000), và cụm các công trình chuyên sâu nghiên cứu về thi pháp của Trần Đình Sử như *Thi pháp thơ Tố Hữu* (1987), *Thi pháp học hiện đại* (1993), *Dẫn luận thi pháp học* (1998), *Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam* (1999), *Thi pháp Truyện Kiều* (2001) v.v...

Trong những công trình trên đây, đáng lưu ý nhất là cuốn Giáo trình *Dẫn luận thi pháp học*. Trong cuốn sách này, ngoài phạm trù thi pháp học truyền thống như cốt truyện, kết cấu, thể loại, lời văn, nhà nghiên cứu Trần Đình Sử đã trình bày các phạm trù mới như quan niệm nghệ thuật về con người, không gian, thời gian, kiểu tác giả, chi tiết nghệ thuật... Cuốn sách có ý nghĩa như là một "mẫu số chung" lí tưởng làm cơ sở cho việc nghiên cứu thi pháp học. Nhiều giáo trình, luận án nghiên cứu hoặc vận dụng thi pháp học để nghiên cứu văn học về sau đã kế thừa và phát huy tinh thần của nó. Giáo trình này của chúng tôi cũng không là ngoại lệ.

Ngoài ra còn rất nhiều đề tài, luận án tiến sĩ vận dụng thi pháp để nghiên cứu một tác phẩm, tác giả, giai đoạn văn học như: *Con người trong truyện ngắn Việt Nam 1945 - 1975* (Phùng Ngọc Kiếm, 1998); *Truyện viết cho thiếu nhi sau năm 1975* (Lã Thị Bắc Lý, 2000); *Thi pháp hoàn cảnh trong tác phẩm của Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao* (Phạm Mạnh Hùng, 2001); *Yếu tố kì ảo trong văn xuôi đương đại Việt Nam* (Bùi Thanh Truyền, 2006) v.v...

1.2.3. Đối tượng nghiên cứu của thi pháp học

Thi pháp học có nhiệm vụ không chỉ là nghiên cứu, hệ thống hoá các yếu tố hình thức riêng lẻ, các khuôn hình (hình thức của hình thức) mà còn chủ yếu là các hình thức biểu hiện nội dung, gắn với nội dung, là hình thức chỉnh thể. Thi pháp học phải xây dựng khái niệm về hình thức toàn vẹn, chỉnh thể, chứ không chỉ là hệ thống các phương thức, phương tiện riêng lẻ. Có như vậy nó mới có thể khám phá hình thức mang chất thơ, mang cái đẹp.

1.2.3.1. Các phương diện hình thức của tác phẩm văn học

Hình thức của tác phẩm văn học bao gồm hai phương diện: Hình thức bên ngoài và hình thức bên trong.

- Hình thức bên ngoài:

+ Là sự thực hiện bằng vật chất cái khách thể thẩm mỹ bên trong. Đó là hình thức khi ấn loát chiếm một số lượng trang giấy, khi đọc chiếm một lượng thời gian vật chất, ngừng nghỉ, nhịp điệu, trầm bổng... Hình thức bên ngoài là cơ sở khách quan của tác phẩm. Không có hình thức này thì tác phẩm không thể tồn tại.

+ Hình thức bên ngoài còn là các hình thức quy phạm cố định của thể loại, có thể được lặp lại và sử dụng vào các tác phẩm khác nhau (như hình thức của các thể thơ, các thủ pháp tu từ, các kĩ thuật văn chương như dùng từ đẹp, có hình ảnh bóng bẩy,...).

+ Hình thức bên ngoài là bộ khung, giá đỡ, là diện mạo tối thiểu cần thiết của tác phẩm, nhưng tự chúng, chưa phải đích thực là hình thức nghệ thuật của văn học. Nghiên cứu, hệ thống hoá các yếu tố của hình thức bên ngoài cũng là một yêu cầu của thi pháp học.

- Hình thức bên trong:

+ Hình thức bên trong, với tư cách là hình thức tạo hình thức, trong khi hàm chứa trong hình thức của khách thể thẩm mỹ được sáng tạo trong tác phẩm, lại chính là hình thức của chủ thể dùng để sáng tạo và tri giác, cảm nhận thế giới. Thực chất hình thức bên trong là sự thể hiện tính cá thể thẩm mỹ.

+ Hình thức nghệ thuật là hình thức như nó bộc lộ trong cảm nhận, tức hình thức của *khách thể thẩm mỹ* mà tác phẩm mang lại cho người đọc, chứ không phải là hình thức văn bản trần trụi. Trong cảm nhận thì tác phẩm ngôn từ mới bộc lộ đầy đủ hình thức nghệ thuật nội tại của khách thể thẩm mỹ. Nhưng hình thức này mang tính chất tinh thần, phi cá nhân, không đồng nhất vào các tính chất tâm lí cá nhân của tác giả và người đọc cụ thể. Ta có thể gọi đó là hình thức tinh thần của khách thể tinh thần. Đây là hình thức gắn với phạm trù cảm nhận thế giới.

+ Hình thức bên trong là hình thức của cái nhìn nghệ thuật, là sự hiện diện của con mắt nghệ sĩ, yếu tố quy định cách tạo hình cho tác phẩm. Chính hình thức bên trong cho thấy sự vận động, phát triển và đa dạng của ý thức nghệ thuật và tư duy nghệ thuật.

+ Quan niệm về hình thức là vấn đề hết sức quan trọng; nó bao gồm quan niệm về thể loại, quan niệm về ngôn ngữ nói chung, về tác giả - nghệ sĩ, về con người và thế giới trong văn học cũng như quan niệm về chính bản thân văn học. Tính quan niệm của hình thức thể hiện hệ hình tư duy ẩn chứa trong hình thức, thể hiện trình độ chiếm lĩnh thế giới của một hệ thống nghệ thuật. Tính quan niệm của hình thức cho thấy thi pháp không giản đơn chỉ là hệ thống các phương thức, phương tiện miêu tả nghệ thuật, mà còn là hệ thống các nguyên tắc cảm nhận đời sống một cách thẩm mỹ.

+ Hình thức bên ngoài có thể ví như "diện mạo"; còn hình thức bên trong chính là "tâm hồn" của tác phẩm.

Tóm lại, yếu tố hình thức bên trong chính là hình thức bên trong của các yếu tố tạo thành thế giới nghệ thuật. Các yếu tố này ràng buộc nhau, cố kết với nhau tạo thành hình thức chỉnh thể. Chính hình thức bên trong, mang tính quan niệm này, là đối tượng nghiên cứu chủ yếu của thi pháp học

1.2.3.2. Sự thống nhất giữa nội dung và hình thức của tác phẩm văn học

- Nội dung và hình thức là hai mặt mâu thuẫn mà thống nhất của bất kì sự vật, hiện tượng nào trong tự nhiên và xã hội. Nội dung là những yếu tố, quá trình làm nên sự vật, hiện tượng. Hình thức là sự biểu hiện, sự tổ chức, trật tự phương thức tồn tại của nội dung. Nội dung và hình thức không tách rời và chuyển hoá cho nhau: Nội dung thay đổi kéo theo sự thay đổi hình thức và ngược lại. Hình thức bị huỷ hoại thì nội dung cũng bị huỷ hoại theo. Theo Lê Nin: "Hình thức mang tính bản chất. Bản chất được biến thành hình thức" (V.Lênin. *Toàn tập, tập 29, tr.129, Bút kí triết học*).

- Sự thống nhất hình thức và nội dung phải được hiểu là nội dung hoá thân vào hình thức, hình thức biểu đạt nội dung. Hình thức là phương thức tồn tại và biểu hiện của nội dung. Chính vì vậy, hình thức hàm chứa mọi quy tắc biểu đạt và biểu hiện tất cả sự phong phú của nội dung. Muốn hiểu được nội dung phải có một con đường là đi sâu khám phá về hình thức. Tính đặc thù của mối quan hệ nội dung và hình thức trong nghệ thuật đã quy định cách tiếp cận của thi pháp học - khám phá hình thức nghệ thuật để nắm bắt nội dung mà hình thức đó biểu hiện.

- Chính sự thống nhất giữa hai mặt hình thức và nội dung, hình thức bên ngoài và hình thức bên trong ấy mà tác phẩm văn học đã trở thành một vũ trụ thu nhỏ, một thế giới khép kín trong bản thân nó với các quy luật nội tại và những kiểu tồn tại đặc trưng riêng của nó. Mỗi thế giới nghệ thuật là sản phẩm sáng tạo mang tính cảm tính, có thể cảm thấy được của nghệ sĩ, một kiểu tồn tại đặc thù, vừa trong chất liệu, vừa trong cảm nhận của người thưởng thức, là sự thống nhất của mọi yếu tố đa dạng trong tác phẩm. Thế giới nghệ thuật có cấu trúc, có ý nghĩa riêng, chịu sự chi phối bởi quan niệm nghệ thuật về con người của tác giả; ở đó, mọi chi tiết, bộ phận đều có giá trị tự thân trong tương quan với chỉnh thể của sáng tác văn học. Sự cảm nhận thế giới này của người đọc càng tinh tế thì càng hiểu

sâu sắc ý nghĩa của nó. Đó cũng là lí do khiến thế giới nghệ thuật thống nhất nhưng không đồng nhất với thế giới thực tại. Vì thế không cho phép đối chiếu giản đơn nó với thế giới thực tại để đánh giá giá trị của tác phẩm cao hay thấp.

1.2.4. Phạm vi nghiên cứu của thi pháp học

Thi pháp học là khoa học nghiên cứu thi pháp, tức hệ thống các phương thức phương tiện khám phá, biểu hiện đời sống bằng hình tượng nghệ thuật trong sáng tác văn học. Phạm vi nghiên cứu của thi pháp học có thể xem xét trên các phương diện:

- Xét các chỉnh thể văn học mang thi pháp, có thể nói tới thi pháp tác phẩm cụ thể (*Nói với em, Đánh thức trâu, Dế Mèn phiêu lưu kí...*), thi pháp sáng tác một nhà văn (*Tô Hoài, Hà Ân, Võ Quảng, Phạm Hồ, Trần Đăng Khoa...*), thi pháp một trào lưu, thi pháp văn học dân tộc (thi pháp văn học thiếu nhi Việt Nam; thi pháp văn học Trung Quốc...), thi pháp văn học một thời đại, thời kì lịch sử (thi pháp văn học thiếu nhi 1945 - 1975; thi pháp văn học thiếu nhi từ 1986 đến nay,...) v.v...

- Xét các phương tiện, phương thức nghệ thuật đã được chia tách, có thể nói tới thi pháp của thể loại (tiểu thuyết, truyện ngắn, truyện đồng thoại, đồng dao dành cho trẻ em...), thi pháp của phương pháp, của phong cách, thi pháp kết cấu, thi pháp không gian, thời gian, thi pháp ngôn ngữ...

- Xét về cách tiếp cận, thi pháp học có ba phạm vi nghiên cứu: thi pháp học đại cương (còn gọi là thi pháp học vĩ mô), thi pháp học chuyên biệt (hay thi pháp học miêu tả - thi pháp học vi mô) và thi pháp học lịch sử.

Thi pháp học đại cương được chia thành ba bộ phận, tương ứng với ba phương diện của văn bản: Ngữ âm, từ vựng và hình tượng. Mục đích của thi pháp học đại cương là xây dựng một hệ thống trọn vẹn các thủ pháp (tức các yếu tố tác động thẩm mỹ), bao quát cả ba phạm vi trên, từ các biện pháp ngữ âm cho tới các hình tượng, mô típ, cốt truyện v.v... Phương diện thi pháp hình tượng ít được nghiên cứu hơn cả, vì một thời gian dài người ta cho rằng thế giới nghệ thuật không khác gì so với thế giới thực tại, do đó, đến nay lĩnh vực này vẫn chưa có một sự hệ thống hoá được chấp nhận phổ biến về các phương tiện nghệ thuật.

Thi pháp học chuyên biệt tiến hành việc miêu tả tất cả các phương diện nói trên của sáng tác văn học nhằm xây dựng "mô hình" - một hệ thống cá biệt của các thuộc tính tác động thẩm mỹ của tác phẩm như hệ thống thể loại, các biện pháp nghệ thuật ngôn từ, các phong cách cụ thể của tác giả cụ thể. Nghĩa là, nó thiên về nghiên cứu "hình thức của hình thức" như các quy tắc thể loại, các quy luật phối âm, phối điệu...; và "hình thức của nội dung" - chức năng biểu đạt của các hình thức, biện pháp nghệ thuật. Vấn đề chính ở đây là kết cấu, tức là các tương quan của tất cả các yếu tố nói trên trong chỉnh thể nghệ thuật.

Các khái niệm cuối cùng mà sự phân tích các phương tiện nghệ thuật sẽ dẫn đến là hình tượng thế giới (với đặc điểm cơ bản của nó là không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật và hình tượng tác giả). Tác động qua lại của hai khái niệm này tạo nên điểm nhìn nghệ thuật có tác dụng quy định tất cả mọi điều cơ bản của cấu trúc tác phẩm.

Thi pháp học chuyên biệt có thể miêu tả các tác phẩm văn học cá biệt, cũng như cụm tác phẩm trong sáng tác của một nhà văn, của một thể loại, một trào lưu hoặc một thời đại văn học.

Thi pháp học lịch sử nghiên cứu sự tiến hoá của các biện pháp nghệ thuật cũng như hệ thống các biện pháp ấy bằng phương pháp so sánh lịch sử nhằm vạch ra các đặc điểm chung của các hệ thống văn học thuộc các nền văn hoá khác nhau, xác định cội nguồn của chúng cũng như các quy

luật chung của ý thức văn học nhân loại. Vấn đề chính của thi pháp học lịch sử là sự phát sinh, phát triển của thể loại trong ý nghĩa rộng nhất của từ đó, là ranh giới phân chia phạm vi văn học và ngoài văn học với tất cả sự đổi thay lịch sử của chúng.

Thi pháp học đại cương trùng với bộ phận lí luận văn học nghiên cứu cấu trúc sáng tác văn học. Thi pháp học chuyên biệt và lịch sử cung cấp bức tranh đa dạng và phát triển tiến hoá của các mô hình và phương tiện nghệ thuật.

1.2.5. Các bộ phận chủ yếu của thi pháp học

Thi pháp học là khoa học nghiên cứu về thi pháp. Khoa học này gồm mấy bộ phận sau:

- Lí luận về thi pháp của một giai đoạn văn học lịch sử cụ thể. Ở đây sẽ bao gồm lí luận về thi pháp vốn có của văn học thiếu nhi, được các tác giả của chúng thừa nhận.

- Hệ thống các nguyên tắc nghệ thuật thể hiện trong bản thân sáng tác của bộ phận văn học được xét. Hệ thống này do tồn tại tiềm tàng trong sáng tác nên cần được miêu tả ra, đồng thời nó cũng không trùng khít với thi pháp học lí thuyết của bộ phận, giai đoạn văn học ấy.

- Lí luận thi pháp của người nghiên cứu dùng để miêu tả một cách hệ thống thi pháp tiềm tàng trong thực tế văn học thiếu nhi và lí giải mối đối với lí luận thi pháp đã có trong lịch sử.

1.2.6. Nhiệm vụ nghiên cứu của thi pháp học

Nhiệm vụ của thi pháp học không phải là miêu tả, tái hiện lại một cách giản đơn diện mạo hình thức cảm tính bề ngoài của thế giới nghệ thuật, mà chủ yếu là khám phá các quy luật nội tại tạo thành hình thức ấy, chức năng biểu đạt cũng như mã văn hoá, nghệ thuật của nó, từ đó tạo cơ sở cho việc miêu tả, cảm thụ tác phẩm cụ thể được sâu sắc hơn.

Nhằm khám phá cái *hình thức tạo hình thức* lay lôgic, cái lí của *hình thức nghệ thuật*, thi pháp học tìm vào "thế giới bên trong" của tác phẩm. Thế giới bên trong của tác phẩm nghệ thuật có những quy luật tác động qua lại riêng của nó, có các kích thước riêng, có ý nghĩa riêng như là một hệ thống. Thi pháp học không nghiên cứu nhân vật mà tập trung chú ý vào con người làm cơ sở cho việc miêu tả nhân vật. Nó cũng quan tâm tới không gian, thời gian như là những yếu tố chi phối việc cảm thụ và miêu tả nhân vật. Thi pháp học không nghiên cứu các chi tiết và biến cố cụ thể mà tìm hiểu kiểu loại chi tiết và biến cố đã tạo ra hình tượng cụ thể. Cũng vậy, thi pháp học nghiên cứu mô hình xã hội, tâm lí, lịch sử..., những yếu tố làm nền tảng cho việc miêu tả xã hội, tâm lí, lịch sử.

Nhiệm vụ của thi pháp học là phát hiện, miêu tả các phạm trù thi pháp cụ thể của các chỉnh thể văn học với nội dung độc đáo, không lặp lại của chúng. Đó là những phạm trù của sáng tạo nghệ thuật: những sáng tạo đột xuất của các tác phẩm lớn, tác giả lớn, những sáng tạo có tính loại hình đặc trưng cho các chỉnh thể văn học như thể loại, trào lưu, giai đoạn văn học... Đồng thời thi pháp học phải nêu lên các phạm trù độc đáo, không lặp lại đó của các chỉnh thể nghệ thuật.

1.2.7. Phương pháp nghiên cứu thi pháp học

Cơ sở của phương pháp nghiên cứu thi pháp là xem tác phẩm không chỉ như một văn bản ngôn từ, một tổng cộng của các yếu tố xác định, mà như một chỉnh thể của thế giới nghệ thuật mang tính quan niệm.

Mặt khác, thế giới nghệ thuật này được xây dựng bằng văn bản ngôn từ, hiện lên từ chất liệu ngôn từ cho nên cần phải đi sâu nghiên cứu tính độc đáo trong chất liệu nghệ thuật của nó. Từ cứ liệu ngôn từ, nhà nghiên cứu thi pháp cấu tạo lại thế giới bên trong của thế giới nghệ thuật. Con đường của nhà nghiên cứu là phát hiện ra các nguyên tắc thi pháp (thể hiện qua các yếu tố lặp lại và không lặp

lại) quy nạp thành phương thức, phạm trù, rồi kiểm chứng lại trong tính hệ thống của chỉnh thể. Bối cảnh văn hoá, văn học của khu vực, dân tộc và thời đại và nguyên tắc lịch sử cũng góp phần lí giải các nguyên tắc thi pháp.

Ngoài ra, thi pháp cũng cần được nghiên cứu liên ngành; tức là hệ thống thi pháp sẽ được soi sáng nhờ các phương pháp ngôn ngữ học, kí hiệu học, thống kê toán học v.v...

HƯỚNG DẪN HỌC TẬP CHƯƠNG 1

I. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CẦN NẮM VỮNG

Bên cạnh mục đích củng cố những kiến thức cơ bản về văn học thiếu nhi mà học viên đã được học trước đây như: Khái niệm, đặc trưng cơ bản, các chặng đường phát triển của văn học thiếu nhi Việt Nam, yêu cầu trọng tâm của chương 1 là người học có những hiểu biết về các khái niệm thi pháp, thi pháp học, nắm được đối tượng, phạm vi, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của thi pháp học, xác định đúng vai trò của bộ môn khoa học này trong khoa nghiên cứu văn học và văn học thiếu nhi. Từ đó, học viên có thể chủ động vận dụng lí luận về thi pháp học để thâm nhập, nghiên cứu tác phẩm văn học dành cho tuổi thơ trong và ngoài trường tiểu học.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP THỰC HÀNH

1. Thông qua các khái niệm văn học thiếu nhi và các chặng đường phát triển của văn học thiếu nhi Việt Nam, anh (chị) rút ra những lưu ý gì?

2. Sự ra đời của khái niệm "Văn học thiếu nhi" có ý nghĩa như thế nào trong sáng tác, nghiên cứu và học tập mảng văn học này?

3. Muốn sáng tác văn học cho thiếu nhi, và muốn có tác phẩm được trẻ em yêu thích, đòi hỏi nhà văn phải đáp ứng được những yêu cầu nào?

4. Trình bày nhận định của anh (chị) về thi pháp học trên các phương diện: Thời gian ra đời, mục đích, tính chất và vai trò của nó.

5. Phân biệt thi pháp học truyền thống và thi pháp học hiện đại. 6. Phân biệt sự khác nhau giữa phương pháp phân tích tác phẩm văn học thiếu nhi theo cách thông thường với phân tích theo quan điểm của thi pháp học.

7. Phân biệt hình thức bên ngoài và hình thức bên trong. Nêu ví dụ qua bài thơ hoặc truyện tự chọn trong chương trình Tiếng Việt - Văn học ở Tiểu học.

8. Trình bày quan niệm của bản thân anh (chị) về thi pháp văn học thiếu nhi và nhận thức ý nghĩa của thi pháp học trong nghiên cứu văn học thiếu nhi.

III. GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Những lưu ý chung về văn học thiếu nhi

- Theo nghĩa hẹp, văn học thiếu nhi gồm những tác phẩm văn học hoặc phổ cập khoa học dành riêng cho thiếu nhi. Tuy vậy, khái niệm văn học thiếu nhi cũng thường bao gồm một phạm vi rộng rãi những tác phẩm văn học thông thường (cho người lớn) đã đi vào phạm vi đọc của thiếu nhi, như *Dôn Kihôtê* của M.Xecvantex, *Rôbin xơn Cru xô* của Đêphô, *Gulivơ du kí* của Gi.Xuypt, *Túp lều của bác Tôm* của Bichơ Xtâu, một số truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn v.v...

- Từ lâu đã có một bộ phận sáng tác văn học dành riêng cho thiếu nhi. Những cuốn sách đầu tiên thuộc loại này là những cuốn sách có nội dung giáo khoa và đạo lí: Sách học vắn, sách bách

khoa, sách về các quy tắc ứng xử trong xã hội, xuất hiện ở châu Âu các thế kỉ XIV - XVI và đặc biệt phát triển ở thời Khai sáng. Tính giáo huấn được người ta coi là những đặc điểm quan trọng của văn học thiếu nhi. Bởi vậy, cho đến giữa thế kỉ XIX, những tác phẩm viết dành riêng cho thiếu nhi vẫn nằm ngoài phạm vi của văn học. Trong khi đó, những tác phẩm văn học viết cho người lớn lại đi vào phạm vi đọc của trẻ em, nhất là loại truyện viết theo các môtip dân gian, loại cổ tích, một số tiểu thuyết và truyện thuộc thể loại phiêu lưu.

- Ở thế kỉ XX, văn học thiếu nhi phát triển khá đa dạng và pha tạp. Ở nhiều nước phát triển, nó ít nhiều còn bị chi phối bởi xu hướng thương mại, bị pha trộn với sự bành trướng của văn học đại chúng.

- Ở Việt Nam, hầu như đến thế kỉ XX mới xuất hiện văn học thiếu nhi. Đến nay đã có sự phát triển, phân nhánh của thơ cho thiếu nhi (bên cạnh thơ cho người lớn), hoặc trong văn xuôi cho thiếu nhi đã hình thành các loại: Truyện sinh hoạt, truyện cổ tích (sáng tác hiện đại theo lối cổ tích), truyện loài vật, truyện lịch sử v.v...

2. Ý nghĩa của sự ra đời khái niệm "Văn học thiếu nhi"

- Trước 1992, ở Việt Nam chưa có khái niệm "Văn học thiếu nhi". Lần đầu tiên khái niệm này được hình thành và văn học thiếu nhi chính thức xác định tên tuổi, tư cách của mình trong văn học dân tộc là vào năm 1992 trong *Từ điển Thuật ngữ văn học* của Lê Bá Hán (Chủ biên) - Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi (NXB Văn học, Hà Nội).

- Khái niệm "Văn học thiếu nhi" giúp ta nhận rõ đặc trưng và quy luật chung của các sáng tác văn học dành cho trẻ em phân biệt với văn học dành cho người lớn. Khái niệm này cũng xem văn học thiếu nhi như một hệ thống trong đó các yếu tố tác giả, thể loại, ngôn ngữ, người đọc quan hệ với nhau như một cấu trúc; và sự khác biệt giữa văn học thiếu nhi và văn học người lớn là do cấu trúc ấy quy định. Điều đó cũng thừa nhận rằng bộ phận văn học này có quy luật phát triển riêng cũng như có các mối quan hệ qua lại nhất định với văn học người lớn và văn học hiện đại Việt Nam nói chung.

3. Những yêu cầu chung đối với VHTN và sáng tác cho thiếu nhi

Nhà văn Võ Quảng - một trong những tác giả viết nhiều cho thiếu nhi đã tổng kết:

- "Một quyển sách văn học các em thích là một quyển sách chứa nhiều sự việc mới lạ. Các em thích những câu chuyện có nhiều tình tiết dồn dập, gay cấn, có nhiều chất tưởng tượng và li kì.

... nói lên những sự việc hằng ngày, nhưng cách diễn tả phải hồn nhiên, vui tươi, dí dỏm.

... thường được trình bày một cách linh hoạt, sự việc luôn luôn chuyển động,... tâm lí nhân vật không quá "chê tu", phải như trò chơi, luôn luôn hoạt bát.

- Các em thích có cái cười và thích có chất thơ.

... được thể hiện một cách chân thật... hoặc tung hoành trong tưởng tượng hoặc thân mật...

... Phải đánh thức được trong lòng các em những tình cảm cao quý...

... Phải có cách thể hiện phù hợp với cặp mắt và con tim của mỗi lứa tuổi..."

(Tham khảo tài liệu 1; tr.64 - 65)

Vì thế, muốn có tác phẩm được trẻ em yêu thích, nhà văn phải đáp ứng được những yêu cầu sau:

- Viết cho thiếu nhi, nhà văn phải nắm chắc tâm sinh lí đối tượng người đọc nhỏ tuổi.

- Nội dung của sáng tác phải giúp các em nhận thức được dần dần các mặt của cuộc sống, nhưng chủ yếu phải có tính chất giáo dục, góp phần bồi dưỡng tư tưởng và tình cảm các em, đào tạo các em trở thành con người mới toàn diện. Ở đó, nhân vật thiếu nhi - "con người mới" thường là nhân vật trung tâm trong các loại truyện, thơ viết cho các em.

- Nội dung sách tốt chưa đủ. Cần phải có một nghệ thuật điêu luyện, lộng lẫy, bay bổng, đa dạng. Phong cách nghệ thuật mà các em ưa thích nhất là: Ước mơ, lộng lẫy, kì diệu, tính chất cụ thể, sống động, nhiều màu sắc; tính chất dí dỏm, ngộ nghĩnh; những cảnh hồi hộp, những chuyện nơi xa mà các em mơ ước; những hành động phi thường, nổi bật; hết sức tránh sự mòn lạp, đơn điệu, lối viết lạnh lùng, khô cứng,...

- Mọi đề tài đều có thể viết cho các em, nhưng điều cốt yếu là cách diễn đạt thế nào cho phù hợp với đường lối giáo dục thiếu nhi, với đặc điểm tâm sinh lí các em.

- Có thể viết cho các em những mặt xấu của đời sống, nhưng cái chính là để làm nổi bật cái đẹp. Nhân vật viết cho các em chủ yếu phải là nhân vật chính diện.

- Văn học thiếu nhi phải luôn gắn bó với sự thật cuộc đời, với cuộc sống thật nơi trần thế. Từ những sự việc đơn giản tai nghe mắt thấy đến những vấn đề tưởng như khó nói như hạnh phúc gia đình, tình yêu và giới tính, cái sống và cái chết v.v... Bởi lẽ, nói như nhà tâm lí học Gerard Severin: "Trẻ có quyền biết sự thật. Sự thật giúp cho trẻ lớn lên".

- Từ năm 1957, Hồ Chủ Tịch đã căn dặn những người làm sách cho thiếu nhi: "Với các em thiếu nhi phải "vừa học vừa chơi". Nhà phê bình văn học Nga Biêlinski cũng nói: "Sách cho thiếu nhi phải là hội hè" (*Tài liệu 6*; tr.334).

Cho nên, đối với nhiều nhà văn trưởng thành, sáng tác văn học cho thiếu nhi không hề là công việc đơn giản. Nó đòi hỏi ở mức độ cao tài năng và tâm huyết của tác giả: "Phải hiểu biết nhiều lắm, hiểu trẻ con đã đành, còn phải hiểu cả người lớn nữa" (Huy Cận). Chưa hết, để tác phẩm dễ mở lối vào trái tim người đọc nhỏ tuổi, nó còn đòi hỏi phải có "một người trẻ con" trong tâm hồn mỗi người viết. Nói như Tú Mỡ: "Làm thơ cho trẻ em tốn công phu không kém gì làm thơ cho người lớn. Viết sao cho các em đọc là hiểu ngay, không cần phải giải thích. Cái khó là lời thơ tuy dễ dãi như lời nói thông thường nhưng không tầm thường, lưu loát mà không thiếu chất thơ, trào phúng phối hợp cho nhuyễn với chất trữ tình của tuổi thơ thì các em đọc mới rung cảm; phải có nhạc điệu thì các em đọc mới ngân nga véo von, thích thú... Các em có khiếu thẩm mỹ riêng của bản năng"; vì thế "làm thơ cho các em phải cân nhắc từng từ, chọn lọc từng chữ, dùng không những cho đúng mà phải cho thật đắt, thật sảng nữa" (*Tài liệu 1*; tr.125).

4. Những lưu ý chung về thi pháp học

- Thi pháp học là một trong những bộ môn cổ xưa nhất, có sức sống lâu dài nhất của nghiên cứu văn học.

- Mục đích của thi pháp học là chia tách và hệ thống hoá các yếu tố của văn bản nghệ thuật tham gia vào sự tạo thành thể giới nghệ thuật, ấn tượng thẩm mỹ, chiều sâu phản ánh của sáng tác nghệ thuật.

- Có nhiều cách tiếp cận thi pháp khác nhau, cơ sở tư tưởng và phương pháp khác nhau, thậm chí đối lập nhau.

- Mặc dù khác nhau song các trường phái thi pháp học đều xem xét văn học với tư cách là một nghệ thuật ngôn từ, đặt vấn đề về bản thể, tức phương diện tồn tại của nó, cấu trúc, cách biểu hiện

nội dung, từ đó khám phá vẻ đẹp của văn học. Nghiên cứu thi pháp văn học là nhấn mạnh bản chất nghệ thuật của tác phẩm, là xem xét tác phẩm văn học như là một chỉnh thể thống nhất giữa các thành tố, các cấp độ nghệ thuật. Chẳng hạn, nếu thi pháp của truyện đồng thoại *Dế Mèn phiêu lưu kí* của Tô Hoài bao gồm các cấp độ: Nhân vật, cốt truyện, ngôn ngữ, kết cấu, quan niệm nghệ thuật của nhà văn về xã hội và con người,... thì bất cứ cấp độ nào cũng là một yếu tố phối thuộc của một chỉnh thể thống nhất.

- Thi pháp học giúp ta công cụ để thâm nhập vào cấu trúc tác phẩm, cốt cách tư duy của tác giả cũng như nắm bắt mã văn hoá nghệ thuật của các tác giả và các thời kì văn học nghệ thuật, từ đó nâng cao năng lực cảm thụ tác phẩm.

- Thi pháp học là phạm trù mang tính lịch sử: Nó không nhất thành, bất biến mà thay đổi, phát triển cùng với sự phát triển của đời sống văn học.

5. Phân biệt thi pháp học truyền thống và thi pháp học hiện đại

- Thi pháp học truyền thống do khái quát từ tác phẩm, thể loại riêng lẻ, cho nên thường nặng về kĩ xảo, kĩ thuật mà nhẹ về khái quát, quan niệm. Cũng có thể quan niệm là cái mà nhà nghiên cứu thi pháp đã quen và mặc nhận, cho nên giữa họ với độc giả đương thời, không có nhu cầu khám phá nữa.

- Thi pháp học hiện đại, chủ yếu thực hiện theo phương pháp quy nạp, xuất phát từ các sự thật của biểu hiện. Thi pháp học hiện đại dựa vào việc phát hiện các yếu tố lặp lại có quy luật, xem xét các cấu trúc bất biến của chúng, để xác lập các nguyên tắc nghệ thuật. Đồng thời, dựa vào các mã văn hoá chung của vùng và thời kì lịch sử mà giải thích nội dung quan niệm của chúng. Nghĩa là, thi pháp học hiện đại không hề phủ nhận thi pháp học truyền thống, mà bổ sung thêm cho nó bởi những vấn đề mới, cách nhìn mới và kết quả mới.

- Thi pháp học cổ xưa nặng về tính chất quy phạm, cảm nang. Thi pháp học hiện đại nặng về phát hiện, miêu tả các ngôn ngữ nghệ thuật đang hình thành và song hành với sự vận động của văn học.

- Thi pháp học hiện đại chủ yếu là thi pháp tiếp nhận văn học, khác với thi pháp học truyền thống là thi pháp học sáng tác.

6. Sự khác nhau giữa phương pháp phân tích tác phẩm văn thiếu nhi theo cách thông thường với phân tích theo quan điểm của thi pháp học

Dù cùng có một mục đích chung là khám phá giá trị nghệ thuật của một sáng tác ngôn từ, nhưng việc phân tích tác phẩm văn học thiếu nhi theo cách thông thường (truyền thống) với phân tích theo quan điểm của thi pháp học vẫn có những điểm khác biệt nhất định. Cụ thể là:

- Phương pháp phân tích thông thường chỉ chú trọng nội dung của tác phẩm; phương pháp phân tích theo thi pháp học thông qua những biểu hiện của hình thức mang tính quan niệm để khám phá đặc sắc nội dung của nghệ thuật ngôn từ.

- Phương pháp phân tích thông thường mang tính chủ quan, cảm tính; phương pháp thi pháp học mang tính khách quan hơn.

- Phương pháp phân tích thông thường ít chú trọng đến tính chỉnh thể của tác phẩm văn học; còn phương pháp thi pháp học đề cao việc xem xét tác phẩm văn học là một thể giới nghệ thuật thống nhất giữa hai mặt nội dung và hình thức.

7. Phân biệt hình thức bên ngoài và hình thức bên trong của tác phẩm văn học

- Hình thức bên ngoài mang tính vật chất, có tính quy phạm, cố định, chưa phải là hình thức nghệ thuật đích thực của văn học; còn hình thức bên trong mang tính tinh thần, là yếu tố quy định giá trị của thế giới nghệ thuật và chứng tỏ sự trưởng thành trong ý thức nghệ thuật của một giai đoạn, một nền văn học cụ thể.

- Hình thức bên ngoài ít hoặc không phản ánh cụ thể nội dung tác phẩm; còn hình thức bên trong liên quan mật thiết đến việc thể hiện nội dung của chính thể nghệ thuật ấy.

- Hình thức bên ngoài không phải là đối tượng nghiên cứu chủ yếu của thi pháp học. Trong khi đó, nghiên cứu thi pháp học chính là tìm hiểu những yếu tố hình thức mang tính quan niệm - tức hình thức bên trong của tác phẩm văn học.

- Ví dụ về hình thức bên ngoài và hình thức bên trong: Hình thức kết cấu bề ngoài của kịch là đối thoại, chia hồi cho hành động, còn kết thúc bi kịch hay hài kịch là hình thức bên trong, hình thức kiến tạo. Nhịp điệu để sắp xếp trật tự các âm thanh cho người ta nghe được là hình thức bên ngoài, còn nhịp điệu ấy hướng tới một cảm xúc, tạo ra một căng thẳng, một sự hoàn tất có ý nghĩa thì là hình thức bên trong.

8. Quan niệm về thi pháp văn học thiếu nhi và ý nghĩa của thi pháp học trong nghiên cứu văn học thiếu nhi

- Muốn tiếp cận thi pháp văn học thiếu nhi, điều đầu tiên là phải ý thức được đó là một bộ phận văn học khác về loại hình so với văn học dành cho người lớn nhưng đều nằm chung trong phạm trù văn học dân tộc và trong một quá trình liên tục của sự phát triển cùng với văn học người lớn.

- Ý thức phân biệt loại hình sẽ cho ta thấy tiếp cận thi pháp văn học thiếu nhi là tiếp cận một thế giới khác, một ý thức khác, những cách suy nghĩ khác phù hợp với đối tượng người đọc nhỏ tuổi; do đó không cho phép được "già hoá" văn học trẻ em và giải thích nó theo khẩu vị của người trưởng thành.

Việc vận dụng những tri thức thi pháp học vào nghiên cứu văn học thiếu nhi có những ý nghĩa nhất định. Cụ thể là:

- Với thi pháp học, hình thức của tác phẩm văn học thiếu nhi được hiểu như là hình thức mang nội dung, có tính toàn vẹn, chỉnh thể và có quá trình phát triển, tiến hoá. Nghiên cứu hình thức của sáng tác văn học dành cho trẻ em là nhằm nắm bắt cái nội dung được biểu hiện nhờ hình thức đó.

- Từ khái niệm hình thức mang nội dung, người ta nhận thấy cả một lĩnh vực hình thức văn học thiếu nhi rộng lớn, phong phú, đa dạng hình như chưa được tìm hiểu bao nhiêu, từ đó mở ra một triển vọng nghiên cứu mới cho văn học thiếu nhi. Về mặt này, nghiên cứu thi pháp chính là đi tìm một cách tiếp cận mới để khám phá sự phong phú, đa dạng và hấp dẫn của văn học dành cho trẻ thơ.

- Đối với các khoa Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non ở nhà trường đại học, thi pháp học là một bộ môn cần thiết. Nó giúp giáo sinh và học sinh biết đi từ cảm nhận hình thức đến nắm được nội dung, tránh được cách hiểu suy diễn chủ quan, hoặc cách phân tích xã hội học tầm thường, xa lạ với bản chất thẩm mỹ của văn học thiếu nhi.

- Chính vì những lí do đó, cho nên, không thể hoà tan môn Thi pháp học (cũng như Phong cách học) trong các vấn đề chung của lí luận văn học trong khi nghiên cứu các phương thức và phương tiện khái quát nghệ thuật về hiện thực. Các vấn đề của thi pháp học đã vượt ra ngoài giới

hạn của khái niệm truyền thống là "cấu trúc của tác phẩm văn học", bởi nó không thể bao gồm các vấn đề phương pháp, thể loại, dòng phong cách... Ý muốn xem thi pháp học như một bộ môn phụ trợ, bổ sung chỉ có tác dụng tìm hãm nó phát triển. Đi sâu vào các vấn đề thi pháp học là nhân tố quan trọng để nâng cao trình độ chung về nghiên cứu văn học nói chung, văn học thiếu nhi nói riêng.

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Bách khoa thư văn học thiếu nhi Việt Nam*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội 2002.
2. Hoàng Văn Cẩn, *Day học tác phẩm văn học dành cho thiếu nhi*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2005 (Chương một).
3. Lã Thị Bắc Lý, *Giáo trình Văn học trẻ em*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2003 (Phần một, Chương một).
4. Nguyễn Xuân Kính, *Thi pháp ca dao*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1992 (Chương một).
5. Trần Đình Sử, *Giáo trình Dẫn luận thi pháp học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998. (Chương một, hai).
6. Vân Thanh (Biên soạn), *Tác giả văn học thiếu nhi Việt Nam*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2006. (Chú ý các mục về Hà Ân, Vũ Ngọc Bình, Nguyễn Văn Chương, Đoàn Giỏi, Định Hải, Tô Hoài, Phạm Hồ, Quang Huy, Ma Văn Kháng, Trần Đăng Khoa, Nguyễn Ngọc Ký, Phùng Quán, Võ Quảng, Xuân Quỳnh, Nguyễn Hoàng Sơn, Trần Quốc Toàn v.v...)

Học viên có thể tham khảo các bài viết: *Văn học thiếu nhi Việt Nam*; *Văn học thiếu nhi sau 1975*; *Phác thảo 50 năm văn học thiếu nhi Việt Nam* (Vân Thanh); *Văn học thiếu nhi trong bước đầu đổi mới* (Văn Hồng); *Văn học cho thiếu nhi hôm nay* (Tô Hoài); *Nghĩ về tính hấp dẫn trong truyện thiếu nhi* (Hải Hồ); *Mấy suy nghĩ về đặc trưng và chức năng giáo dục của văn học thiếu nhi*; *Sách văn học cho thiếu nhi* (Võ Quảng); *Vài suy nghĩ về sách cho trẻ em hiện nay* (Lê Vân) v.v... (Trong *Văn học thiếu nhi Việt Nam (Nghiên cứu, lí luận, phê bình - tư liệu)* (Vân Thanh biên soạn); tập 1, Nxb.Kim Đồng, Hà Nội, 2003.